

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018/HNGĐ-ST

Ngày 21-9-2018.

V/v: Tranh chấp xin ly hôn và
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đẹp.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Danh On**;

2/ Ông **Nguyễn Thị Hiểu**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Đắc Mẫn** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Huỳnh Như** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân xét xử công khai vụ án thụ lý số: 146/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Thị Xà Q**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp B, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Anh **Võ Văn C**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp B, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị Q, anh C vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai ngày 17/7/2018, nguyên đơn chị Thị Xà Q trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2009, chị Q và anh C tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn

N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 11/02/2009. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi nhau và chị Q đã sống ly thân với anh C khoảng 01 năm nay. Do không thể sống chung với anh C nữa nên chị Q yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị Q trình bày, trong quá trình chung sống giữa chị và anh C có 01 đứa con chung là cháu Võ Thị Hồng L, sinh ngày 11/02/2011. Hiện tại cháu đang sống chung với anh C. Chị Q xác định chị đồng ý giao cháu Võ Thị Hồng L cho anh C nuôi dưỡng và chị Q không phải cấp dưỡng cho cháu L.

Về tài sản chung: Chị Q xác định chị và chồng chị không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 19/7/2018, bị đơn anh Võ Văn C trình bày như sau: Anh C và chị Q tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tiến hành đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Trong quá trình chung sống, giữa anh và chị Q có 01 người con chung là cháu Võ Thị Hồng L, sinh ngày 11/02/2011, hiện tại cháu đang sống chung với anh C. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau và anh C đã sống ly thân với chị Q khoảng 01 năm nay, do không có cách nào hàn gắn với chị Q nên anh C đồng ý ly hôn với chị Q. Về con chung, anh C xác định tùy theo nguyện vọng của cháu Võ Thị Hồng L, sinh ngày 11/02/2011 muốn theo ai thì người đó nuôi, theo anh thì anh đồng ý nuôi và anh không yêu cầu cấp dưỡng, theo chị Q thì anh đồng ý giao cho chị Q nuôi và anh không phải cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung, anh C xác định không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra, anh không có yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Thị Xà Q và anh Võ Văn C.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Võ Thị Hồng L, sinh ngày 11/02/2011 cho anh Võ Văn C nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng chị có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra đương sự còn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Thị Xà Q khởi kiện yêu cầu được ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Võ Văn C có nơi đăng ký thường trú tại ấp B, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Nguyên đơn chị Thị Xà Q và bị đơn anh Võ Văn C tuy rằng vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với chị Q và anh Cui.

Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2009, chị Thị Xà Q và anh Võ Văn C có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên quan

hệ hôn nhân giữa chị Q và anh C là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống, chị Q và anh C đều xác định có xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng anh chị thường xuyên cự cãi và anh chị đã sống ly thân với nhau khoảng 01 năm nay nên chị Q yêu cầu được ly hôn với anh C. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Q và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do chị Q và anh C đã sống ly thân khoảng 01 năm nay và không liên hệ gì với nhau. Anh C cũng đồng ý ly hôn với chị Q. Mặc dù anh C đồng ý ly hôn với chị Q nhưng khi tiến hành hòa giải để giải quyết vụ án thì anh C vắng mặt (có đơn xin vắng mặt) nên không thể lập biên bản được về việc ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành giữa chị Q và anh C để Tòa án ra Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh chị được nên Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Vì vậy khi xét xử vụ án, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Thị Xà Q và anh Võ Văn C.

[5] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống, chị Q và anh C đều xác định giữa anh chị có 01 người con chung là cháu Võ Thị Hồng L, sinh ngày 11/02/2011. Hiện tại cháu L đang sống chung với anh C. Chị Q đồng ý giao con cho anh C nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng cho con. Anh C cũng xác định do con đã lớn và đã trưởng thành nên tùy theo nguyện vọng của con theo ai thì người đó nuôi và người còn lại không phải cấp dưỡng cho con. Bên cạnh đó, tại bảng tự khai ngày 19/7/2018, cháu L có nguyện vọng theo sống chung với anh C nên tiếp tục giao cháu L cho anh C nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh C không yêu cầu cấp dưỡng cho cháu L nên không xem xét giải quyết.

[6] Về quan hệ tài sản: Chị Q và anh C xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Thị Xà Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thị Xà Q.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa Thị Xà Q và anh Võ Văn C.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 16 do Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 11/02/2009 không còn giá trị pháp lý khi bản án này có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Ghi nhận ý chí tự nguyện của cháu Võ Thị Hồng L, sinh ngày 11/02/2011 được theo sống chung với anh Võ Văn C. Tiếp tục giao cháu Võ Thị Hồng L, sinh ngày 11/02/2011 cho anh C nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Q không phải cấp dưỡng nuôi cháu L nhưng chị được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Thị Xà Q phải nộp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng chị Q đã dự nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005826 ngày 16/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nay chuyển thu toàn bộ số tiền trên thành án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp và cấp trên được quyền kháng nghị bản án này theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- UBND thị trấn Ngan Dừa,
huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.
- Đường sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

LÊ VĂN ĐẸP